

Số: 16 /BC-UBND

Lai Châu, ngày 21 tháng 01 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**Tình hình thực hiện vay và trả nợ của địa phương năm 2018**

Căn cứ Luật Quản lý nợ công năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Trên cơ sở tình hình thực hiện vay, trả nợ của địa phương đến ngày 31/12/2018. UBND tỉnh Lai Châu tổng hợp, báo cáo như sau:

**1. Tổng dư nợ gốc đầu năm 2018: 305.279 triệu đồng. Bao gồm:**

- Dư nợ vốn vay Kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: 286 tỷ đồng.
- Dư nợ vốn vay Năng lượng nông thôn – Re II: 19.279 triệu đồng.

**2. Trả nợ gốc và lãi trong năm: 123.874 triệu đồng. Bao gồm:**

- Trả nợ gốc: 123.678 triệu đồng (Trả nợ gốc vốn vay Kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: 122 tỷ đồng, trả nợ gốc vay Năng lượng nông thôn – Re II: 1.778 triệu đồng).

- Trả lãi vay Năng lượng nông thôn – Re II: 195 triệu đồng.

**3. Dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/12/2018: 181.601 triệu đồng. Bao gồm:**

- Vốn vay Kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: 164 triệu đồng.
- Vốn vay Năng lượng nông thôn – Re II: 17.601 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện vay, trả nợ của địa phương năm 2018. UBND tỉnh Lai Châu báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy; (B/c)
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- Lưu: VT, TH, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng A Tính



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: *16* /BC-UBND ngày *21* tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dư nợ đầu năm (ngày 01 tháng 01)	Vay trong năm	Trả nợ trong năm			Dư nợ cuối năm (ngày 31 tháng 12)
				Gốc	Lãi/phí	Tổng	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=1+2-3</i>
	<b>Tổng số</b>	<b>305.279</b>	<b>0</b>	<b>123.678</b>	<b>195</b>	<b>123.873</b>	<b>181.601</b>
I	Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0	0	0	0
II	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước	0	0	0	0	0	0
III	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	286.000	0	122.000	0	122.000	164.000
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	286.000	0	122.000	0	122.000	164.000
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng (2)	0	0	0	0	0	0
IV	Vay lại vốn vay nước ngoài (3)	19.279	0	1.678	195	1.873	17.601
1	Dự án Năng lượng nông thôn - Re II	19.279	0	1.678	195	1.873	17.601
V	Vay các tổ chức khác (2)	0	0	0	0	0	0

*Handwritten signature*